

MỘT SỐ “PHƯƠNG PHÁP NĂNG ĐỘNG” VỚI HỆ CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

“Tưởng tượng, liên tưởng, định vị và tổng hợp thần kinh là chìa khoá của trí nhớ”

Kandel

Th.s Hoàng Tất Trường

Khoa NN&VH Anh-Mĩ - ĐHNH - ĐHQGHN

1. Hệ chất lượng cao trong bối cảnh dạy-học ngoại ngữ hiện nay

Như chúng ta đã biết, tình hình dạy và học ngoại ngữ ở nước ta đang ngày càng có nhiều đổi mới đáng phấn khởi. Phương pháp mới, phương tiện mới mang lại nhiều hiệu quả lớn. Tuy nhiên theo dư luận, ngoài khía cạnh tích cực, phương pháp dạy và học vẫn còn “ì ạch”, thụ động, lè mề, ít sáng tạo. Khi thực tập, những sinh viên cho lớp hoạt động sôi nổi đã bị lãnh đạo sở tại phê bình, chỉ trích. (Họ yêu cầu lớp học phải yên lặng - một sự yên lặng phi khoa học). Thực vậy giáo viên áp dụng những phương pháp yêu cầu tính năng động, lấy người học làm trung tâm, đã gặp nhiều trở ngại, đôi khi còn bị “chê oan”.

Trong bối cảnh đó, hệ đào tạo cử nhân chất lượng cao (CLC) ra đời. Đây là một dấu hiệu đáng mừng. Với sự sàng lọc chu đáo ở đầu vào, ta có một đối tượng thông minh để trồng cấy nên một lớp người tài năng phục vụ đất nước.

Theo nhóm giáo viên lớp CLC khoa Anh, ĐHQGHN trình độ của sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt mức cao cấp (Certificate of Advanced English) bậc 4/5 trong thang bậc tiếng Anh do đại học Cambridge xếp hạng. Chúng tôi được biết, nhóm giáo viên lớp CLC đã giảng dạy rất hay với những giáo trình rất phù hợp. Dưới đây, chúng tôi có vài gợi ý thêm về cái gọi là “phương pháp và thủ thuật năng động” hy vọng đóng góp thêm một phần nhỏ cho việc học tập của h/s nhất là đối tượng năng động này.

2. Phương pháp tổng hợp thần kinh trong dạy và học

Trước hết cần bàn qua vài nét về nguyên tắc ghi nhớ ngoại ngữ. Trước đây chúng tôi đã từng đề xuất những mô hình đơn giản của các quá trình tiếp nhận ngoại ngữ hiệu quả nhất. Những mô hình đó miêu tả hàng loạt sự kết hợp:

- Trí nhớ thính giác + trí nhớ vận động (auditory + verbal memory)

- Trí nhớ thị giác + trí nhớ vận động (visual + verbal memory)
- Trí nhớ xúc giác + trí nhớ vận động (sense of touch + verbal)
- Trí nhớ thính giác + trí nhớ liên tưởng + trí nhớ vận động (auditory + associative + verbal) .v.v...

“Tổng hợp thần kinh là bí mật hàng đầu của trí nhớ”. Phát hiện này của giáo sư Kandel (người Mỹ, gốc áo) chính là luận chứng cho các mô hình của chúng tôi.

Trong việc học, Nghe, Nói, Đọc, Viết... đều do thần kinh chi phối. Nói cách khác, chúng là các hoạt động thần kinh. Một đơn vị thông tin sẽ được khắc sâu hơn vào não bộ nếu được tiếp nhận qua cả 4 kỹ năng chính. Vì vậy **độ tách biệt giữa các kỹ năng không nên quá lớn** (kể cả giờ chuyên kỹ năng).

Ngôn ngữ là lời nói. Khẩu nói, nhìn chung, cần ưu tiên hàng đầu (lưu ý: nói có ý thức - suy nghĩ và tập trung tư tưởng). Khi nói ra (nói to hoặc nói thầm) người học được “nghe lại” thông tin, thần kinh (thính giác) được tác động mạnh, thông tin được lưu trữ lâu hơn. Vậy Nói và Nghe, Nghe và Nói là hai quá trình khăng khít, hai kỹ năng chính tạo nên **“đường mòn ngoại ngữ” dẫn đến “trí nhớ ngoại ngữ”**.

Từ các nguyên tắc trên, chúng ta có thể khẳng định: Trong giờ học ngoại ngữ **thực hành cũng như lý thuyết, nói phải được xen kẽ** thường xuyên với các kỹ năng khác. Nhìn chung học sinh cần hình thành thói quen: Nói trước khi viết và viết xong nói lại (kể cả đối tượng ôn thi đại học). Thời gian nói một câu chỉ chiếm khoảng 15% thời gian viết nó.

Để tăng cường hoạt động của học sinh, các bước giảng dạy có thể biến thiên (theo tình huống) như sau: Nghe - Nói - Đọc - Viết; Nghe - Nói - Nhìn - Nói; Nghe - Nhìn - Nói; Nghe - Nói - Viết; Nói - Viết - Nói;...

Ngoài ra, nguyên tắc tổng hợp thần kinh cho thấy: Nghe - Nói hoặc Nghe - Nhìn đơn thuần của phương Tây sẽ bị hạn chế hiệu quả nếu áp dụng không hợp lý và không có tỷ lệ kết hợp thích đáng với các kỹ năng khác.

3. Phương pháp phản xạ

Phương pháp tổng hợp thần kinh áp dụng được với toàn bộ các đối tượng. Sau đây chúng tôi đề xuất phương pháp phản xạ chủ yếu phục vụ học kỳ đầu tiên của hệ CLC và các đối tượng thấp hơn.

Ngôn ngữ là một hệ thống thói quen. Trong quá trình tiếp nhận tri thức ngoại ngữ (thực hành) hoạt động mang tính hành vi, cơ học, nhìn chung lớn hơn mang tính duy lý, sáng tạo. Tính chấp nhận lớn hơn tính lý luận. Chúng tôi đã từng “khẳng định vui”: “Một phần lớn của học ngoại ngữ là lao động cơ bắp”. Vậy phương pháp phản xạ sẽ là một phương pháp lý tưởng dựa vào nghiên cứu của Páp-Lốp, Skin-nơ.... Các bài tập, thủ thuật phản xạ vô cùng đa dạng, giúp học sinh tạo sức bật, hình thành thói quen, luyện tư duy, ghi nhớ, sáng tạo v.v... (Hướng dẫn của

g/v phải ngắn gọn, rõ ràng). Phương pháp này rất thích hợp để luyện tập thể / lớp đông người.

3.1. Bình luận và đồng tình (Commenting and supporting opinions): Luyện cách dùng từ loại, đặt câu....

Ví dụ: Sau những bài học có từ: advantage, luxury, superstition, apply... ta có thể luyện h/s sử dụng tính từ của chúng.

Teacher: His mother always goes to pagodas.

(Mẹ nó rất hay đi lễ chùa)

Student (s): She's very superstitious

(Bà ấy mê tính nhĩ)

Teacher: Watching TV has a lot of advantages.

(Xem TV có nhiều cái lợi)

Student (s): Yes, it is very advantageous.

(Ừ, đúng, nó rất có ích)

Khi học xong một loạt nhóm từ "oái oăm" về cả chữ viết và phát âm như:

luxury → luxurious

apply → applicable

courage → courageous

separate → separable

thủ thuật này dùng để luyện tập thể rất sôi nổi.

3.2. Sentence completion (hoàn chỉnh câu): Luyện cách dùng từ, trí nhớ... (sau khi h/s làm xong bài tập trắc nghiệm, hoặc điền từ v.v...)

G/v kiểm tra/ luyện bằng cách cho 2 h/s đọc hai phần của câu và cho h/s thứ 3/ hoặc cả lớp nghe → nhắc lại cả câu có chứa từ / cấu trúc vừa điền vào (từ/ cấu trúc này nằm giữa câu - nếu nằm ở cuối câu: chỉ có hai đối tượng hoạt động).

Ví dụ:

Student 1: (đọc) The doctor said her heart was...

(Bác sĩ nói tim cô ta...)

Student 2: (đọc) because her pulse rate was good.

(vì mạch đập rất tốt)

Student 3/ class: (nói lại cả câu và điền "normal") The doctor said her heart was normal because her pulse rate was good.

(Bác sĩ nói tim cô ta bình thường vì mạch đập rất tốt)

3.3. Paraphrasing (Diễn đạt lại): Luyện dùng từ, đặt câu, tư duy, trí nhớ...

T: Last year she couldn't work in air - con rooms but now she can.

S: Last year she wasn't used to working in air-con rooms but now she is.

(Năm ngoái chị ấy không quen làm việc ở phòng điều hoà nhưng bây giờ đã quen).

T: He didn't do well at the exam because he was too lazy (Sau đó nói: If... và vỗ tay / gõ bàn)

(Nó không làm bài thi tốt vì nó quá lười. Nếu...)

S: If he'd been hard - working / hadn't been too lazy, he would have done well at the exam (Nếu nó không quá lười nó đã ...)

3.4. Correction (sửa sai): Luyện đặt câu, dùng thời, dạng bị động v.v...

T: Hamlet was written by M.Gorky (Hamlet do M. viết)

S: No, it wasn't written by Gorky. It was written by Shakespeare.

(Không, không phải G. viết mà là Sh. viết)

T: Chi Pheo thought Thi No was very ugly (C.Phèo nghĩ T.No rất xấu)

S: No, he didn't think so / Thi No was ugly. He thought she was beautiful.

(Không, anh ấy không nghĩ vậy / không nghĩ T.Nở xấu. Anh ấy nghĩ cô ấy xinh).

Một số bài tập / luyện như thế này cần được hướng dẫn rõ ràng đôi khi có thể "gò" h/s vào một số mẫu câu nào đó nhất là khi luyện tập thể.

3.5. Repeating after or talking with tapes (nói sau hoặc cùng máy): Luyện trí nhớ, độ trôi chảy v.v..

Chúng ta có ba yêu cầu:

- Nhắc ý chính của từng câu
- Nhắc ý chính của từng cụm từ
- Nhắc chính xác từng từ

3.6. "Viết/ nói tốc độ" (Speedy writing / speaking): Luyện tư duy, độ trôi chảy,...

Ví dụ 1: g/v cho h/s một chủ đề ngắn gọn nào đó (ví dụ: cloud - mây), và yêu cầu viết đúng 5' - 10' - 15' ... để xem ai viết được nhiều ý và hay nhất.

Ví dụ 2: Cho h/s 20 - 30 - 40... từ / cấu trúc và yêu cầu viết / nói 20 - 30 - 40... câu, mỗi câu sử dụng 1 hoặc nhiều từ / cấu trúc đó và chúng phải đứng ở đầu câu. Ta có thể cho từ / cấu trúc mới để kiểm tra h/s "xử lý" chúng ra sao. Ở bên úc, năm 1976 g/v cho cụm từ "Climate of thought" (Trường phái tư duy), h/s cả 15 nước đều không biết và không đặt được câu, chúng tôi "viết liền" "Climate of thought" is not related to "weather or climate" in any way". G/v hỏi chúng tôi có hiểu biểu đạt này không mà đặt câu như vậy, khi biết là chúng tôi không hiểu thì họ lại hoan nghênh và cho điểm gấp đôi vì không hiểu nhưng vẫn "xử lý" được vấn đề.

Ngoài sáu thủ thuật trên, chúng ta còn hàng trăm thủ thuật khác như: *kéo dài, rút gọn, hoàn chỉnh thông tin, xác định ngữ cảnh, dịch đây chuyển thay thế, lấp ghép* v.v.. và v.v..

Để phù hợp với h/s thông minh, g/v chọn những từ / mẫu câu phức tạp hơn nữa.

4. Kích thích thần kinh - tạo ấn tượng:

Tom Hutchinson, qua giáo trình Lifelines đã nêu lên những hiện tượng giúp trí nhớ là những hiện tượng gây tác động mạnh như “vui thú, suy ngẫm, hồi hộp, sợ hãi,...”. Chúng tôi rút ra một nguyên tắc trong dạy học (nói chung): **kích thích thần kinh - tạo ấn tượng**.

Các phương pháp, thủ thuật của nguyên tắc này rất phong phú: **Thiên, liên tưởng, định vị, tưởng tượng, chủ thể hoá, hài hước, đóng kịch, chơi chữ, ngâm thơ, hát, đố, kể chuyện, trích danh (name - dropping), sơ đồ, âm thanh, màu sắc, ca dao, tục ngữ...**

Trong giờ học, thầy trò được cười nói thoải mái, bộ nhớ sẽ “quy nạp” được rất nhiều thông tin. Như vậy chúng ta đã tuân thủ nguyên tắc:

Học = vô thức + hữu thức

Hài hước - chúng tôi xin khẳng định là một trong những yếu tố hàng đầu của giáo học pháp. Tuy nhiên, nụ cười ở học đường phải là “nụ cười trí tuệ”, dù có thể “nghe tục giảng thanh” song không có tính chất tếu và thô thiển.

Ví dụ: Khi dạy âm vị, hình vị (môn LTT) chúng tôi hỏi đùa: “Chỉ vì một âm gì / chữ cái gì mà có thể mất người yêu như chơi?”, sau đó gợi ý và thảo luận âm / z / ở câu: “ I saw your girlfriends” (Tớ thấy “những” người yêu của cậu). Trong bài “Cường độ ngữ nghĩa” tôi gợi ý câu “Fiona! I want you, I need you, I love you, I adore you!”. Học sinh vui cười, thảo luận, “học mà không biết mình đang học”.

Từ đó có thể kết luận: **“Hài hước học đường không đơn thuần là thư giãn, nó còn mang tính hàn lâm”**.

5. Về bộ môn Lý thuyết tiếng

Phần trên chủ yếu bàn đến thực hành tiếng. Về những môn lý thuyết tiếng như Ngữ âm, Ngữ pháp, Ngữ nghĩa, Ngôn ngữ Xã hội học... theo chúng tôi, các phương pháp quy nạp, diễn dịch v.v.. nên được kết hợp hài hoà. H/s chất lượng cao sẽ học bằng sự tìm tòi, chủ động, khám phá (discovery learning). Đôi khi chúng ta “bắt” h/s nghiên cứu bài và trình bày trước thầy, sau đó **người thầy là vai trò trọng tài**, giải quyết, phê phán, gợi mở vấn đề và tiếp tục cho thảo luận, làm bài tập...

Đối tượng CLC cần được tăng cường rèn luyện **tư duy có phê phán**, tư duy này theo Sternberg có ba phạm trù trong các thành phần của nó:

- Siêu thành phần (meta components): các quá trình tinh thần ở bậc cao, được dùng để lập kế hoạch, giám sát, khai phá, đánh giá v.v..

- Thành phần thực hiện (performance components): các bước cá nhân thực hiện.

- Thành phần kiến thức - thụ đắc (knowledge acquisition components): các quá trình được dùng để liên hệ tư liệu cũ với mới và để ứng dụng.

Do đó h/s CLC cần tự học nhiều hơn h/s khác và học một cách **độc lập, chủ động, có phê phán, phát hiện và sáng tạo**. Từ thực hành tới lý thuyết, ta đều có thể kích thích h/s **phát huy trí tưởng tượng, liên tưởng, sự định vị ...**

Hài hước, đóng kịch, chơi chữ, thơ ca, hát đố, âm thanh, màu sắc, sơ đồ... (như nói ở trên) cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng để giúp h/s hiểu và nhớ bài. Chúng tôi đã cung cấp nhiều **bút đồ để h/s ghi chép, gạch dưới...** thay vì chép chính tả. Với môn LTT, thời gian còn bị lãng phí nhiều do kiểu học chép chính tả, nhất là các lớp tại chức, chuyên ngành 2... song với CLC chúng ta có lợi thế rõ rệt, **gạch dưới thông tin chủ chốt** sẽ giành được thời gian cho hoạt động khác.

5. Kết luận

Vài ý kiến gợi ý nhỏ trên đây dựa vào kết quả thực nghiệm của chúng tôi với nhiều đối tượng khác nhau. Chúng tôi đã thu được một số thành công đáng mừng. Một số thủ thuật có thể hơi dễ với lớp CLC song chúng vẫn tạo sức bật, độ trôi chảy, luyện trí nhớ.... đặc biệt khi soạn những câu dài và khó hơn.

Giáo sư Samuael Schuman (Hội đồng chương trình tài năng ở Mi) nói “Chương trình tài năng bao gồm **những sự thay đổi trật tự của một tiến trình đào tạo - tương đối hợp lý, một chút lập dị**. Chương trình tài năng là một bộ phận của một cấu trúc giáo dục phức tạp. Để trở thành như vậy nó phải làm nên chính nó bằng sáng tạo và nhạy cảm”.

Chúng ta tăng cường giúp h/s học bằng tưởng tượng, thiên, liên tưởng, định vị, khám phá... Những chìa khoá này của trí nhớ sẽ giúp chuyển hoá một phần quá trình tiếp nhận ngoại ngữ trở lại quá trình tiếp nhận tiếng mẹ đẻ. Nhìn chung, **vai trò người thầy chủ yếu là “chất xúc tác”** (catalyst) tạo điều kiện để trò tiếp cận với ngữ liệu, với bài học và thực tế. Có thể kết luận: giờ thực hành tiếng: người học là trung tâm, giờ LTT: cả thầy và trò là trung tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adrian Doff. Teach English. Cambridge University Press. 1989
2. Broughton . Geoffrey et al - Teaching English as a F.L - Routledge - 1990.
3. Hoàng Tất Trường - Áp dụng Thiển dạy ngoại ngữ (Tập chí “Ngoại ngữ”). Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội - tháng 01 năm 1996.
4. Houston.J.P - Learning and Memory. University of Chicago - 1971
5. Lewis Michael. Practical Techniques for Language Teaching. L.T. Publication. England 1992.
6. Rivers.W.M - Teaching Foreign Language Skills. University of Chicago Press - 1968.